TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẠ HÒA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **29**/2025/QĐST-HNGĐ	*Hạ Hòa, ngày 03 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N,** sinh năm 1980.

Bị đơn: Anh **Khổng Minh T,** sinh năm 1979.

Đều có địa chỉ: Khu 12, xã T, huyện H, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị N và anh Khổng Minh Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Khổng Minh T xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Khổng Trường G, sinh ngày 17/10/2003 và cháu Khổng Trường T, sinh ngày 25/10/2013. Hiện cháu G đã thành niên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng cháu G. Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khổng Trường T kể từ tháng 03/2025 đến khi cháu T thành niên, có khả năng lao động. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N cho cháu T.

Chị N, anh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị N và

anh Khổng Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn lại cho chị N 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa" số 0003193 ngày 31/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Hạ Hòa;
- UBND xã Vĩnh Chân;
- CCTHADS huyện Hạ Hòa;
- Lưu HS-VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoài Linh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).